

ĐỀ THAM KHẢO KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ 1 TOÁN – LỚP 6(2022-2023)

A.KHUNG MA TRẬN

T T	Chủ đề	Nội dung/Đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá								Tổng % điểm
			Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		Vận dụng cao		
			TNKQ	TL	TNKQ	TL	TNKQ	TL	TNK Q	TL	
1	Số tự nhiên (18 tiết)	Số tự nhiên. Các phép tính với số tự nhiên. Phép tính lũy thừa với số mũ tự nhiên	3 (TN1,2,3) 0,75đ	2 (TL1a,2a) 2đ	2 (TN7,11) 0,5đ	2 (TL1b, 2b) 1,5đ				1 (TL5) 1đ	75%
		Tính chia hết trong tập hợp các số tự nhiên. Số nguyên tố. Ước và bội	1 (TN4) 0,25đ		2 (TN8,9) 0,5đ			1 (TL3) 1đ			
2	Các hình phẳng trong thực tiễn (10 tiết)	Tam giác đều, hình vuông, lục giác đều.	1 (TN5) 0,25đ								25%
		Hình chữ nhật, Hình thoi, hình bình hành, hình thang cân.	1 (TN6) 0,25đ	1 (TL4a) 0,5đ	2 (TN10, 12) 0,5đ			1 (TL4bc) 0.5x2			
Tổng: Số câu Điểm			6 1,5đ	3 2,5đ	6 1,5đ	2 1,5đ		2 2đ		1 1đ	20 10,0đ
Tỉ lệ %			40%		30%		20%		10%		100%
Tỉ lệ chung			70%				30%				100%

Tổng tiết : 28 tiết

B. BẢN ĐẶC TẢ MA TRẬN ĐỀ

TT	Chương/Chủ đề	Mức độ đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức				
			Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao	
SỐ - ĐẠI SỐ							
1	Tập hợp các số tự nhiên	Số tự nhiên. Các phép tính với số tự nhiên. Phép tính lũy thừa với số mũ tự nhiên	Nhận biết: – Nhận biết được tập hợp các số tự nhiên. – Nhận biết được thứ tự thực hiện các phép tính.	3TN (TN1,2,3)			
			Vận dụng: – Thực hiện được các phép tính: cộng, trừ, nhân, chia trong tập hợp số tự nhiên. – Vận dụng được các tính chất giao hoán, kết hợp, phân phối của phép nhân đối với phép cộng trong tính toán...	2TL (TL1a, 2a)	1TN (TN7) 1TL (TL 1b)	1TL (TL 2b)	
			– Thực hiện được phép tính lũy thừa với số mũ tự nhiên; thực hiện được các phép nhân và phép chia hai lũy thừa cùng cơ số với số mũ tự nhiên.				
			– Vận dụng được các tính chất của phép tính (kể cả phép tính lũy thừa với số mũ tự nhiên) để tính nhẩm, tính nhanh một cách hợp lí.				
			– Giải quyết được những vấn đề thực tiễn (đơn giản, quen thuộc) gắn với thực hiện các phép tính (ví dụ: tính tiền mua sắm, tính lượng hàng mua được từ số tiền đã có, ...).		1TN (TN11)		
			Vận dụng cao: – Giải quyết được những vấn đề thực tiễn (phức hợp, không quen thuộc) gắn với thực hiện các phép tính.				
			Nhận biết : – Nhận biết được quan hệ chia hết, khái niệm ước và bội. – Nhận biết được khái niệm số nguyên tố, hợp số.	1TN (TN4)	1TN (TN9)		
			– Nhận biết được phép chia có dư, định lí về phép chia có dư. – Nhận biết được phân số tối giản.				
			Vận dụng: – Vận dụng được dấu hiệu chia hết cho 2, 5, 9, 3 để xác định một số đã cho có chia hết cho 2, 5, 9, 3 hay không... – Thực hiện được việc phân tích một số tự nhiên lớn hơn 1 thành tích của các thừa số nguyên tố trong những trường hợp đơn giản... – Xác định được ước chung, ước chung lớn nhất; xác định được bội chung, bội chung nhỏ nhất của hai hoặc ba số tự nhiên; thực hiện được phép cộng, phép trừ phân số bằng cách sử dụng ước chung lớn nhất, bội chung nhỏ nhất... – Vận dụng được kiến thức số học vào giải quyết những vấn đề thực tiễn (đơn giản, quen thuộc) (ví dụ: tính toán tiền hay lượng hàng hoá khi mua sắm, xác định số đồ vật cần thiết để sắp xếp chúng theo những quy tắc cho trước,...).		1TN (TN8) 1TL (TL3)		1TL (TL5)
			HÌNH HỌC VÀ ĐO LƯỜNG				
2	Các hình phẳng trong thực tiễn	Tam giác đều, hình vuông, lục giác đều	Nhận biết: – Nhận dạng được tam giác đều, hình vuông, lục giác đều.	1TN (TN5)			
		Hình chữ nhật, Hình thoi, hình bình hành, hình thang cân.	Nhận biết – Mô tả được một số yếu tố cơ bản (cạnh, góc, đường chéo) của hình chữ nhật, hình thoi, hình bình hành, hình thang cân.	1TN (TN6)	1TN (TN10)		
			Vận dụng : – Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn (đơn giản) gắn với việc tính chu vi và diện tích của các hình đặc biệt nói trên.	1TL (TL 4a)	1TN (TN12)	1TL (TL 4bc)	

Câu 7: (TH) Thực hiện các phép tính: $(4^2 \cdot 3 - 10) + 36 : 4$

- A. 47
B. 23
C. 21
D. 43

Câu 8: (TH) Thay y bằng chữ số thích hợp để số $A = \overline{591y}$ chia hết cho cả 2;5.

- A. y=0;
B. y=2;
C. y=4;
D. y=5;

Câu 9: (TH) Khẳng định nào sau đây là đúng?

- A. $U(4) = \{0;4\}$
B. $U(4) = \{0;2\}$
C. $U(4) = \{1;4\}$
D. $U(4) = \{1;2;4\}$

Câu 10: (TH) Khẳng định nào sau đây là đúng nhất?

Trong hình vuông:

- A. Bốn góc bằng nhau.;
B. Bốn góc không bằng nhau.;
C. Hai đường chéo không bằng nhau.;
D. Hai đường chéo song song với nhau;

Câu 11: (TH) Bạn Bo đi nhà sách mua 4 cây bút bi cùng loại .Biết giá tiền một cây bút bi là 15 000 đồng . Bạn đưa chị thu ngân tờ 100 000 đồng.Hỏi chị thu ngân sẽ đưa tiền thừa cho bạn bao nhiêu ?

- A. 40000 đồng;
B. 60000 đồng;
C. 4000 đồng;
D. 40 đồng;

Câu 12: (TH) Người ta cần sơn một cái bảng hình chữ nhật có phần cần sơn có chiều dài 3600mm và chiều rộng là 1200mm.Tính diện tích phần cần sơn , ta được kết quả là:

- A. 43200 cm^2
B. 42300 cm^2
C. 432 cm^2
D. 4320 cm^2



II- TỰ LUẬN.

Câu 1: (1 NB+ 0,5 TH) Thực hiện phép tính:

- a) $2022 + 20 : 4$
b) $30 - (21 - 16)^2 + 5^{10} : 5^8$

Câu 2: (1NB + 1 VDT) Tìm x

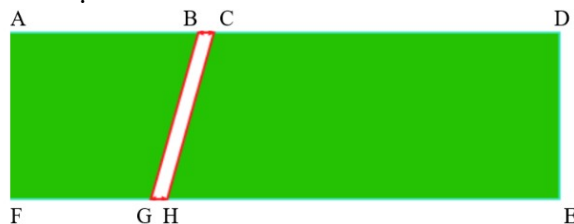
- a) $117 - x = 17$
b) $120 - 5(2 + x) = 20$

Câu 3: (1TH)

Cho số tự nhiên $M = \overline{9a0b}$, tìm các chữ số $a; b$ để M chia hết cho 2; 3; 5; 9.

Câu 4: (0,5 NB + 1 VD)

Trong một khu vườn hình chữ nhật có chiều dài AD=50m, chiều rộng DE=30 m, người ta làm một lối đi lát sỏi hình bình hành có BC=200 cm



- a. Tính diện tích của cả mảnh vườn.
b. Tính diện tích phần mảnh vườn không tính lối đi.
c. Biết chi phí cho mỗi mét vuông làm lối đi hết 130 nghìn đồng. Hỏi chi phí để làm lối đi là bao nhiêu?

Câu 5: (1,0 VDC) An, Hòa, Hải góp chung nhau một số lượng vở để giúp đỡ các bạn có hoàn cảnh khó khăn. Hòa góp 45 quyển vở, gấp 5 lần số vở Hải đã góp. Hai bạn An và Hải góp được 65 quyển vở. Hỏi số vở của An đã góp

HƯỚNG DẪN CHẤM KIỂM

PHẦN I. TRẮC NGHIỆM: mỗi câu đúng 0,25 điểm

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Đ.án	D	A	A	A	C	D	A	A	D	A	A	A

PHẦN II. TỰ LUẬN:

Bài	Đáp án	Điểm
1 (1,5 đ)	a) $2022 + 20 : 4$ $= 2022 + 5$ $= 2027$	0,5 0,5
	b) $30 - (21 - 16)^2 + 5^{10} : 5^8$ $= 30 - (5)^2 + 5^2$ $= 30$	0,25 0,25
2 (2,0 đ)	$117 - x = 17$ $x = 117 - 17$ a) $x = 100$	0,5 0,5
	b) $120 - 5(2 + x) = 20$	0,25
	$5(2 + x) = 100$	0,25
	$(2 + x) = 100 : 5$ $(2 + x) = 20$ $x = 18$	0,25 0,25
3 (1,0 đ)	Cho số tự nhiên: $M = \overline{9a0b}$, tìm các chữ số $a; b$ để M chia hết cho 2; 3; 5; 9.	
	Để M chia hết cho 2 và 5 nên $b=0$	0,25
	Để M chia hết cho 3, 9 thì M cần chia hết cho 9.	0,25
	Nên $9+a+0+0$ chia hết cho 9 $\Rightarrow 9+a$ chia hết cho 9 Vậy $a=9$	0,25 0,25
4 (1,5 đ)	Trong một khu vườn hình chữ nhật có chiều dài $AD=50m$, chiều rộng $DE=30 m$, người ta làm một lối đi lát sỏi hình bình hành có $BC=200 cm$	0,5
	a) Diện tích của cả mảnh vườn là: $50.30 = 1 500$	
	b) Diện tích lối đi là: ($BC=200 cm = 2m$) $2.30 = 60$ Diện tích phần mảnh vườn không tính lối đi là: $1 500 - 60 = 1 440$	0,5 0,25
	c) Chi phí để làm lối đi là: $2.30.130000 = 7 800 000$ (đồng).	0,25
5 (1,0 đ)	Số vở Hải góp là: $45:5=9$ (quyển vở)	0,5
	Số vở An góp là: $65-9=56$ (quyển vở)	0,5